TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 213/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dung

Bà Đào Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình T – Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp *"*Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HPT ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1972;** HKTT và nơi cư trú: Số zzz, ngõ zzz T, thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội. "Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"

Bị đơn: **Ông Dương Quốc T, sinh năm 1972**; HKTT và nơi cư trú: Số zzz, ngõ zzz T, thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà O vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2022, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim O trình bày:

Về tình cảm: Tôi và ông Dương Quốc T có tìm nhau khoảng 6 tháng thì tự nguyện kết hôn ngày 28/10/1994 tại UBND thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn tôi và ông T chuyển về sinh sống cùng với gia đình ông T khoảng 5 năm sau đó vợ chồng tôi chuyển về sinh sống cùng gia đình tôi. Trong thời gian sống chung vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tôi có nghi ngờ ông T có người phụ nữ khác ở bên ngoài, việc ông T ngoại tình tôi có bắt gặp một lần. Vợ chồng tôi mâu thuẫn trong lời ăn tiếng nói, ông T thường xuyên có hành động vũ phu khi vợ chồng cãi nhau. Khoảng tháng 7/2021 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy

ra trầm trọng mặc dù vợ chồng tôi sống chung nhà, không ăn chung, không ngủ chung, mỗi người ở riêng một phòng, không ai quan tâm ai từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Dương Quốc T. Về con chung: Tôi và ông Dương Quốc T có 02 con chung tên Dương Hải Long, sinh ngày 25/8/1994 và Dương Hải Lâm, sinh ngày 25/12/2005. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Quốc T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình chuẩn bị xét xử, ông T trình bày: Tôi và bà O yêu thương và tự nguyện kết hôn năm 1994. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai vợ chồng có quan hệ ngoài luồng. Mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng mỗi người một phòng không ai quan tâm đến ai từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nay bà O làm đơn xin ly hôn tôi, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với bà O với điều kiện phải giải quyết tài sản chung vợ chồng giữa tôi và bà O.

Về con chung, chúng tôi có 02 con chung tên Dương Hải Long, sinh ngày 25/8/1994 và Dương Hải Lâm, sinh ngày 25/12/2005. Khi ly hôn, bà O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm thì tôi đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con tôi tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho bà O.

Tài sản chung vợ chồng: Tôi và bà Phạm Thị Kim O có 01 thửa đất số 36(8), tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Số zzz, ngõ zzz T, thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội diện tích 100,5 m^2 và ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên thửa đất diện tích khoảng 70m^2/1 tầng. Nguyện vọng của tôi là chia đôi thửa đất và ngôi nhà xây dựng trên thửa đất.

Về nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/3/2022, ông T nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Ngày 10/5/2022, ông T có bản tự khai xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện K thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật; bị đơn không chấp hành pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: Bà O và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do bà O và ông T trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù sống chung nhà nhưng mỗi người sống riêng một phòng từ tháng 11/2021 cho đến nay không ai quan tâm ai là vi phạm Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O, cho bà O được ly hôn ông Dương Quốc T.

Về con chung: Bà O và ông T có 02 con chung tên Dương Hải Long, sinh ngày 25/8/1994 (đã trưởng thành) và Dương Hải Lâm, sinh ngày 25/12/2005. Do cháu Lâm có nguyện vọng được ở với bà O, ông T cũng nhất trí để bà O nuôi cháu Lâm khi ly hôn. Ông T tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, nhưng tại buổi hòa giải, bà O không yêu cầu, nên đề nghị tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu. Ông T có yêu cầu nhưng đã rút yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí, đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do bà O có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền theo cấp Tòa án, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại Số zzz, ngõ zzz T, thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện K thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim O: Xét thấy ngày 31/5/2022 bà O có đơn xin xét xử vắng mặt, bà O giữ nguyên lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt bà O là có căn cứ.

Nhận định về việc xét xử vắng mặt ông Dương Quốc T: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt là lần thứ 2 không có lý do chính đáng mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Bà Phạm Thị Kim O và ông Dương Quốc T đăng ký kết hôn ngày 28/10/1994 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện K, TP Hà Nội, có xuất trình bản chính chứng nhận kết hôn, đủ cơ sở kết luận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

- Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Bà O trình bày mâu thuẫn là do bà và ông T mâu thuẫn trong lời ăn tiếng nói, ông T tính vũ phu cục cằn mỗi lần xảy ra cãi nhau ông T thường xuyên đánh bà O, ngoài ra bà O còn nghi ngờ ông T có người phụ nữ khác bên ngoài. Ông T trình bày mâu thuẫn vợ chồng do cả hai đều ngoại tình. Tuy nhiên, đến nay ông T bà O đều không xuất trình chứng cứ việc ngoại tình như lời trình bày, nên không có căn cứ kết luận mâu thuẫn vợ chồng do ngoại tình. Nhưng con trai ông T bà O là cháu Lâm 17 tuổi cung cấp bố mẹ hay cãi nhau, hay xô xát nên đủ cơ sở kết luận ông T bà O có mâu thuẫn nhau. Thời điểm mâu thuẫn trầm trọng và ly thân bà Oạnh trình bày từ tháng 7/2021, ông T trình bày từ

tháng 11/2021 nên có căn cứ khẳng định bà O ông T ly thân nhau từ tháng 11/2021 đến nay là có căn cứ. Xét bà O ông T đã sống ly thân, không ai chăm sóc ai, không ai quan tâm đến ai, không ăn chung, không ngủ chung là cả bà O ông T đều vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Điều 19: Tình nghĩa vợ chồng

1.Vợ chồng có nghĩa vụ…. yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"

nên cho bà O được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

"Điều 56: Ly hôn theo yêu cầu của một bên

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ chồng…. vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Bà O và ông T có 02 con chung tên Dương Hải Long, sinh ngày 25/8/1994 và Dương Hải Lâm, sinh ngày 25/12/2005. Cháu Dương Hải Long trưởng thành đủ 18 tuổi, Tòa án không xem xét quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con của bà O và ông T đối với cháu Long.

- Xét việc nuôi dưỡng cháu Lâm sau khi ly hôn: Tại bản tự khai ngày 05/4/2022 cháu Lâm có nguyện vọng xin được ở với bà O khi bố mẹ ly hôn. Ông T cũng đồng ý khi ly hôn bà O được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm. Bà O có nơi ở ổn định là nhà đất tại thị trấn C, có thu nhập một tháng khoảng 10.000.000 đồng, xét giao cháu Dương Hải Lâm cho bà O trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng sau ly hôn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Lâm.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng, nhưng bà O không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về con nuôi, con riêng: Bà O, ông T trình bày không có, không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Nhận định về tài sản chung: Bà O không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết. Ngày 15/3/2022, ông Dương Quốc T có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn đối với bà Phạm Thị Kim O. Tòa án đã ra thông báo số 53/TB – TA ngày 27/4/2022 về việc nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn phản tố, bản tự định giá tài sản để tính án phí, ông T đã không nộp, ngày 10/5/2022 ông T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung khi vợ chồng ly hôn. Xét Tòa án chưa thụ lý đơn phản tố của ông T, ông T xin rút, không còn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nên HĐXX không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6]. Nhận định về nợ chung vợ chồng: Bà O và ông T không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[7]. Nhận định về án phí: Yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim O được chấp nhận, bà O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, các Điều 269, 271, 272, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim O đối với ông Dương Quốc T. Xử cho bà Phạm Thị Kim O được ly hôn với ông Dương Quốc T

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Kim O O và ông Dương Quốc T T có 02 con chung tên Dương Hải Long, sinh ngày 25/8/1994 và Dương Hải Lâm, sinh ngày 25/12/2005. Anh Dương Hải Long trưởng thành đủ 18 tuổi, Tòa án không xem xét quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con của bà O, ông T đối với cháu Long. Khi ly hôn, giao cháu Dương Hải Lâm cho bà O được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông T đối với bà O cho đến khi cháu Lâm trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Ông Dương Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Bà Phạm Thị Kim O và ông Dương Quốc T không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, bà O đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0073074 ngày 21/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Phạm Thị Kim O, ông Dương Quốc T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND TT C, huyện K, TP Hà Nội (ĐKKH: Quyển số 01, số 59 ngày 28/10/1994).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thiên Hương